

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 85/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28/02/2025

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Bà Nguyễn Thị Bích Liên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**
Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 686/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/01/2025; giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn K, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương

- **Bị đơn:** Anh **Trần Đình B**, sinh năm 1983

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn K, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Canada

(Chị H có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt, anh B được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của chị H cùng các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện:

Chị H và anh B tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 07/3/2012 tại UBND xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương; sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, tính cách của hai vợ chồng không thể hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn như ban đầu. Năm 2023 anh B đi lao động tại Canada dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả, điều này ảnh hưởng đến cuộc sống của vợ chồng.

Nay, chị nhận thấy mâu thuẫn đã rất trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Đình B.

2. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh chị có 02 người con chung là cháu Trần Gia B1, sinh ngày 07/5/2012 và Trần Trường G, sinh ngày 10/11/2015; hiện hai cháu đang ở cùng chị. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai con, chị tự nguyện không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H tự nguyện chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Do nguyên đơn chị H không cung cấp được địa chỉ của anh B tại Canada. Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình anh B là bà Vũ Thị V là mẹ đẻ của B. Bà V cho biết, anh B vẫn liên lạc về gia đình, về điều kiện kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh B như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian ngắn, sau đó đến năm 2023 anh B đi lao động tại Canada, vợ chồng xa cách, không có sự quan tâm, chia sẻ nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Nhiều lần anh B liên lạc về có trao đổi về việc vợ chồng bất đồng quan điểm, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, chị H có nguyện vọng xin ly hôn, anh B nhất trí, tuy nhiên do không về để làm thủ tục được, anh B đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và đề nghị Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án thông qua bà, bà sẽ có trách nhiệm thông báo cho anh B được biết. Bà đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, đã thông báo cho anh B được biết, hiện anh B không có địa chỉ cụ thể tại Canada, anh B không cung cấp địa chỉ và không gửi văn bản về Tòa án được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh B và chị H có 02 con chung là cháu Trần Gia B1, sinh ngày 07/5/2012 và Trần Trường G, sinh ngày 10/11/2015; hiện hai cháu đang ở cùng chị H. Anh B có nguyện vọng được giao hai con cho anh B chăm sóc và nuôi dưỡng, trong thời gian anh B không có mặt tại Việt Nam, chị H sẽ thay anh B chăm sóc và nuôi dưỡng hai cháu.

Về tài sản, công nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết, anh B nhất trí. Cháu B1 và cháu G có quan điểm xin được ở cùng mẹ Nguyễn Thị H.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự đều vắng mặt.

- Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147,

Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án; đề nghị HĐXX, xử cho chị H được ly hôn anh B; giao con chung Trần Gia B1, sinh ngày 07/5/2012 và Trần Trường G, sinh ngày 10/11/2015 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; anh B không phải cấp dưỡng nuôi con, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.1] Bị đơn anh Trần Văn B2 hiện đang sinh sống và làm việc Canada nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại: Thôn K, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị H và anh B2 tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày ngày 07/3/2012 tại UBND xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương nên là hôn nhân hợp pháp.

Chị H trình bày sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sinh sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng bất đồng quan điểm, thường cãi vã. Đến năm 2013, anh B2 đi lao động tại Canada, vợ chồng không quan tâm, không hỏi han đến nhau. Đến nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B2. Thông qua gia đình anh B2 cũng có quan điểm đồng ý ly hôn chị H.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị H được ly hôn anh B2 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về quan hệ con chung:* Chị H và anh B2 có 02 con chung là Trần Gia B1, sinh ngày 07/5/2012 và Trần Trường G, sinh ngày 10/11/2015; hiện hai cháu đang do chị H chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị H có quan điểm được nhận nuôi 2 con và tự nguyện không yêu cầu anh B2 cấp dưỡng nuôi con. Anh B2 có quan điểm giao 2 con cho anh B2 chăm sóc và nuôi dưỡng, trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam tạm giao hai con cho chị H. Cháu B1 và cháu G có nguyện vọng ở cùng mẹ. Xét thấy, chị H hiện ở tại Việt Nam, có đủ điều kiện để chăm sóc hai con, hai cháu đều có nguyện vọng ở cùng mẹ do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H; cần tiếp tục giao hai con cho chị H chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật, án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Đình B.

2. Về quan hệ con chung: Giao con Trần Gia B1, sinh ngày 07/5/2012 và Trần Trường G, sinh ngày 10/11/2015 cho chị Nguyễn Thị H chăm sóc và nuôi dưỡng.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Trần Đình B cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Đình B được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0005435 ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã An Đức, huyện Ninh Giang;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Yến

